

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 06-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa;
Ông Lê Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thế T, sinh ngày 01/05/1992 tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T1 (đã chết); có vợ là Đặng Thị T2 (đã ly hôn) và 01 con là Nguyễn Thế Minh K, sinh năm 2019; tiền án: Tại Bản án số 141/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong bản án ngày 19/01/2023; tiền sự: Ngày 29/9/2023 bị Công an huyện H xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đình V, sinh ngày 10/9/1987 tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình V1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966; có vợ là Đào Thị T3 (đã ly hôn) và 01 con là Lê Đình H, sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 54/2010/HSPT ngày 13/4/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Anh: Lê Tiến L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Lê Đăng C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông: Bùi Đình H1, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 10/10/2023 tại đường E thuộc thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, tổ công tác của Công an huyện H phối hợp với Đ và Công an xã H tuần tra và phát hiện Lê Đình V và Lê Tiến L, có biểu hiện nghi vấn mua bán trái phép chất ma túy; Tổ công tác tiến hành kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ trên tay phải của Lê Tiến L 01 gói giấy ô ly màu trắng có kích thước 5^{cm} x 5^{cm}, bên trong chứa các cục bột màu trắng nghi là ma túy; và thu giữ: Số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, 01 xe máy nhãn hiệu AIR BLADE màu đen, BKS 36B5- 518.15. Ngay sau đó Tổ công tác đưa những người này và vật chứng về trụ sở Công an xã H lập biên bản và bắt người phạm tội quả tang, tiến hành niêm phong vật chứng (nghi là ma túy) theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình làm việc Lê Đình V đã khai nhận: Khoảng 09 giờ 15 phút, ngày 10/10/2023 Nguyễn Thế T đưa cho Lê Đình V 01 gói giấy ô ly màu trắng, bên trong chứa ma túy để mang đi bán cho Lê Tiến L.

Cơ quan CSĐT Công an huyện H tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thế T, thu giữ tại túi quần bên phải của Nguyễn Thế T đang mặc 01 (một) túi nilon màu trắng có kích thước 9^{cm} x 6^{cm} bên trong chứa các cục bột màu trắng nghi là ma túy, 01 (một) túi nilon màu trắng, có viền xanh, bên trong đựng các hạt tinh thể màu trắng hồng nghi là ma túy, 05 (năm) gói giấy ô ly màu trắng, mở các gói giấy ra là mảnh giấy có kích thước 5^{cm} x 5^{cm} bên trong đều chứa các cục bột màu trắng nghi là ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Đình V trú thôn T, xã H, huyện H, Nguyễn Thế T trú tại thôn L, xã H nhưng không thu giữ được gì liên quan đến vụ án.

Ngày 10/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện H Quyết định trưng cầu giám định số 401/QĐ-TCGD trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định chất ma túy đối với phong bì niêm phong ghi nội dung “Công an xã H - Công an huyện H - T.Thanh Hóa” thu giữ của Lê Tiến L. Tại bản Kết luận giám định số 3734/KL-KTHS, ngày 16/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: các cục bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,026g (không phẩy không hai sáu gam) loại heroine (heroin).

Ngày 10/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện H Quyết định trưng cầu giám định số 402/QĐ-TCGD trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định chất ma túy tại các gói nilon, gói giấy thu giữ của Nguyễn Thế T. Tại bản Kết luận giám định số 3742/KL-KTHS, ngày 16/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Các cục bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,632g (không phẩy sáu ba hai gam) loại: heroine (heroin).

- Các hạt tinh thể màu trắng hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,413g (không phẩy bốn một ba gam) loại: Methamphetamine.

- Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,400g (không phẩy bốn không không gam) loại: heroine (heroin).

Như vậy, tổng khối lượng chất ma túy (heroine và Methamphetamine) thu giữ của V khi bắt quả tang và của T khi bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp là 1,471g (một phẩy bốn bảy một gam).

Về nguồn gốc số ma túy trên, Nguyễn Thế T khai nhận mua của một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) ở Thái Nguyên với giá 6.000.000 (sáu triệu) đồng, sau khi mua về Tính chia nhỏ số ma túy ra thành nhiều gói nhỏ để bán kiếm lời; khoảng 09 giờ 15 phút ngày 10/10/2023, Nguyễn Thế T mang toàn bộ số ma túy nói trên và điều khiển xe máy nhãn hiệu AIR BLADE, biển kiểm soát 36B5-518.15 đến nhà Lê Đình V ở thôn T, xã H, H chơi; khoảng 09 giờ 30 phút, Lê Tiến L gọi điện thoại (số thuê bao 0356258368) cho Nguyễn Thế T (số T) để hỏi mua ma túy với giá 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng, thì Nguyễn Thế T đồng ý và hẹn Lê Tiến L xuống khu vực ngã tư xã H để giao ma túy.

Sau khi nói chuyện điện thoại, Nguyễn Thế T bảo Lê Đình V đi giao ma túy cho Lê Tiến L và cầm số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng về, Nguyễn Thế T hứa sẽ cho Lê Đình V ma túy để sử dụng thì Lê Đình V đồng ý; Nguyễn Thế T đưa cho Lê Đình V 01 (một) gói heroine và 01 (một) điện thoại NOKIA, lắp sim 0961815808 dùng để liên lạc với Lê Tiến L, sau đó Lê Đình V điều khiển xe máy nhãn hiệu AIR BLADE, biển kiểm soát 36B5-518.15 để đi giao ma túy cho Lê Tiến

L; trên đường đi, **Lê Đình V** và **L** gọi điện với nhau hẹn địa điểm gặp để mua bán ma túy. Khi đến đoạn đường thuộc **thôn Đ, xã H, H, Lê Đình V** và **Lê Tiến L** gặp nhau, **Lê Đình V** thả gói heroine xuống dưới đất, **Lê Tiến L** cúi xuống nhặt gói heroine và lúc đang đưa số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng cho **Lê Đình V** thì lực lượng Công an bắt quả tang.

Vật chứng vụ án gồm: Toàn bộ vỏ bao mở niêm phong và mẫu vật còn lại sau giám định là 0,020g (không phẩy không hai không gam) các cục bột màu trắng được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng KTHS **Công an tỉnh Thanh Hóa** phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lê Minh T4, Trần Thị Thúy H2, Đồng Trọng B** và hình dấu đỏ của Phòng KTHS **Công an tỉnh Thanh Hóa**; Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và các mẫu vật còn lại sau giám định gồm: 0,542g (không phẩy năm bốn hai gam) các cục bột màu trắng; 0,367g (không phẩy ba sáu bảy gam) các hạt tinh thể màu trắng hồng; 0,360g (không phẩy ba sáu không gam) chất bột màu trắng, tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng KTHS **Công an tỉnh T** phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lê Minh T4, Trần Thị Thúy H2, Đồng Trọng B** và hình dấu đỏ của Phòng KTHS **Công an tỉnh T**; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, có số 356107164585971, điện thoại lắp sim số 0961815808, điện thoại cũ đã qua sử dụng; Số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng). Toàn bộ vật chứng trên sẽ được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa chờ xử lý theo quy định của pháp luật

Đối với xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 36B5-518.15 Tính đưa cho **V** làm phương tiện đi bán ma túy, qua xác minh không phải vật chứng của vụ án nào, chủ sở hữu hợp pháp của xe là ông **Nguyễn Thế N** (bố đẻ **T**), sinh năm 1966, trú tại **thôn L, xã H, H, ông N** không biết việc **T** sử dụng chiếc xe vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông **Nguyễn Thế N**.

Trả lại điện thoại nhãn hiệu OPPO A16K, cho chủ sở hữu hợp pháp là **Lê Tiến L**, sinh năm 1987, trú tại **thôn M, xã H, H, Thanh Hóa** theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho **Nguyễn Thế T**, do **T** không biết đầy đủ họ tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với **Lê Tiến L** đã có hành vi mua ma túy (heroine) của **Nguyễn Thế T** với mục đích để sử dụng, có khối lượng là 0,026g (không phẩy không hai sáu gam). Quá trình điều tra xác định **L** chưa có tiền án, tiền sự về hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán, chiếm đoạt trái phép chất ma túy nên hành vi của **L** không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cơ quan CSĐT **Công an huyện H** đã chuyển Công an huyện Hoằng Hóa xử phạt hành chính đối với **Lê Tiến L**.

Cáo trạng số 26/CT-VKSHH ngày 19/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo **Nguyễn Thế T** và **Lê Đình V** về tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Thế T** và **Lê Đình V**, áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thế T**;

- Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thế T** và **Lê Đình V** phạm tội mua bán trái phép chất ma túy;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế T** từ 42 tháng đến 48 tháng tù;

- Xử phạt bị cáo **Lê Đình V** từ 27 đến 30 tháng tù.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; và sim số 0961815808 không còn giá trị sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số 4356107164585971, điện thoại đã qua sử dụng; số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo;

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên **Công an huyện H**, Cơ quan Viện kiểm sát và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo **Nguyễn Thế T** và **Lê Đình V** tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ căn cứ để kết luận:

Bị cáo **Nguyễn Thế T** mua ma túy của một người không quen biết với giá 6.000.000 (sáu triệu) đồng nhằm mục đích để bán lại kiếm lời; khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 10/10/2023, bị cáo **Nguyễn Thế Tính g** cho bị cáo **Lê Đình V** 01 (một) gói heroine có tổng khối lượng 0,026g (không phẩy không hai sáu) gam để bán cho **Lê Tiến L**, khi bị cáo **Lê Đình V** đang giao số ma túy này cho **Lê Tiến L** thì bị bắt quả tang; số ma túy còn lại được thu giữ trong người của bị cáo **Nguyễn Thế T**, gồm: 01 (một) gói heroine có tổng khối lượng 0,632g (không phẩy sáu ba hai) gam, 01 (một) túi Methamphetamine có tổng khối lượng 0,413g (không phẩy bốn một ba) gam; 05 (năm) gói heroine có tổng khối lượng 0,400g (không phẩy bốn không không) gam.

Hành vi của các bị cáo **Nguyễn Thế T** và **Lê Đình V** thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trái phép chế độ quản lý của Nhà nước về trao đổi chất ma túy, đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy; các bị cáo phạm tội trong trường hợp có đồng phạm nhưng chưa đến mức có tổ chức, do vậy tội phạm và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa truy tố và đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, tệ nạn ma túy đang là hiểm họa cho toàn xã hội, là nguyên nhân làm suy thoái kinh tế, là một trong những tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS và làm gia tăng các loại tội phạm khác; trong vụ án có đồng phạm này bị cáo **Nguyễn Thế T** có vai trò thứ nhất vì đã một mình mua bán trái phép 1,032 (một phẩy không ba hai) gam heroine và 0,413g (không phẩy bốn một ba) gam Methamphetamine, ngoài ra bị cáo **Nguyễn Thế T** còn cùng với bị cáo **Lê Đình V** mua bán trái phép 0,026g (không phẩy không hai sáu) gam heroine; bị cáo **Lê Đình V** có vai trò thứ hai vì chỉ cùng bị cáo **Nguyễn Thế T** mua bán trái phép 0,026g (không phẩy không hai sáu) gam heroine;

- Các bị cáo đều có nhân thân xấu: Bị cáo **Nguyễn Thế T** đang có 01 tiền án và 01 tiền sự; bị cáo **Lê Đình V** đã bị xét xử và cho hưởng án treo (đã được xóa án tích);

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS;

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Nguyễn Thế T** đã bị kết án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Lê Đình V** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ các căn cứ quyết định hình phạt như nêu trên, cần áp dụng hình phạt tù và cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian hợp lý mới đủ tác dụng

trừng trị bị cáo và giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, tuân theo các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới và phòng ngừa chung.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng:

- Số ma túy hoàn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, kèm chữ ký của Lê Minh T4, Trần Thị Thúy H2 và Đồng Trọng B1 là vật cầm tàng trữ, cầm lưu hành. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0961815808 không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động N1 105, màu đen, có số 356107164585971 là phương tiện bị cáo Lê Đình V dùng liên lạc mua bán ma túy, đang còn giá trị sử dụng;

+ 350.000 (ba trăm năm mươi ngàn) đồng là tiền L dùng để mua ma túy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thế T và Lê Đình V; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế T;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế T và bị cáo Lê Đình V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T 42 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Lê Đình V 27 tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Thế T và bị cáo Lê Đình V tính từ ngày 10/10/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- Số ma túy còn lại sau giám định được đóng gói trong 01 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, kèm chữ ký của Lê Minh T4, Trần Thị Thúy H2 và Đồng Trọng B1.

- 01 Sim số 0961815808;

* Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số 4356107164585971;
- Tiền Việt Nam đồng: 350.000 (ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 30/BBGN ngày 21/02/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H và Ủy nhiệm chi lập ngày 20/02/2024.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Thế T và Lê Đình V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các bị cáo;
- Nhà tạm giữ, tạm giam CA huyện N;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bảo Yến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 06 tháng 3 năm 2024;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Bảo Y**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hoàng Thị H3**;

2. Ông **Lê Hữu Q1**

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với:

- Các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thế T, sinh ngày 01/05/1992 tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thế N**, sinh năm 1962 và bà **Nguyễn Thị T1** (đã chết); có vợ là **Đặng Thị T2** (đã ly hôn) và 01 con là **Nguyễn Thế Minh K**, sinh năm 2019; tiền án: Tại Bản án số 141/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong bản án ngày 19/01/2023; tiền sự: Ngày 29/9/2023 bị **Công an huyện H** xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện N**.

2. Bị cáo Lê Đình V, sinh ngày 10/9/1987 tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Đình V1** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1966; có vợ là **Đào Thị T3** (đã ly hôn) và 01 con là **Lê Đình H**, sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 54/2010/HSPT ngày 13/4/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện N**.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Thế T** và **Lê Đình V**;

Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thế T**;

Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thế T** và bị cáo **Lê Đình V** phạm tội mua bán trái phép chất ma túy;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế T** 42 tháng tù;

Xử phạt bị cáo **Lê Đình V** 27 tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo **Nguyễn Thế T** và bị cáo **Lê Đình V** tính từ ngày 10/10/2023.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

- Sổ ma túy còn lại sau giám định được đóng gói trong 01 phong bì niêm phong của **Phòng K1, Công an tỉnh T**, có hình dấu đỏ của **Phòng K1**, kèm chữ ký của **Lê Minh T4, Trần Thị Thúy H2** và **Đồng Trọng B1**.

- 01 Sim số 0961815808;

* Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số 4356107164585971;

- Tiền Việt Nam đồng: 350.000 (ba trăm năm mươi ngàn) đồng hiện đang

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo **Nguyễn Thế T** và **Lê Đình V**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nguyễn Văn H4

Công an thành phố T